

Số: /BC-BCĐ

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Sở Y tế (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm) báo cáo kết quả thực hiện thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021 như sau:

I. Công tác chỉ đạo

1. Tuyển tỉnh

- Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP đã xây dựng, triển khai Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 06/01/2021 về việc thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Sở Y tế ban hành Quyết định số 14/QĐ-SYT ngày 06/01/2021 về việc thanh tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021.

2. Tuyển huyện

Thực hiện Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định và Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 06/01/2021 của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP về việc Thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo triển khai tăng cường công tác kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 trên địa bàn.

II. Kết quả kiểm tra tại cơ sở thực phẩm

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra được thành lập : 163 đoàn. Trong đó:

- Số đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tuyến tỉnh : 03 đoàn.
- Số đoàn kiểm tra liên ngành tuyến huyện : 13 đoàn.
- Số đoàn kiểm tra liên ngành tuyến xã : 147 đoàn.

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở (phụ lục 1).

3. Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu (phụ lục 2).

III. Nhận xét, đánh giá chung

1. Ưu điểm:

- Đa số các cơ sở được kiểm tra đều đảm bảo các điều kiện ATTP theo quy định. Trong đó, số cơ sở được kiểm tra là 1.744 cơ sở, số cơ sở đạt là 1.683 cơ sở chiếm 96,5%. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thường xuyên vệ sinh cơ sở, sử dụng nguồn nước đảm bảo ATTP. Khu vực sản xuất, chế biến thực phẩm được sắp xếp và bố trí quy trình sản xuất theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm thành phẩm cuối cùng. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng. Người lao động tại các cơ sở khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Chủ cơ sở tổ chức cho người lao động tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận theo quy định. Người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm mang, mặc bảo hộ lao động đầy đủ và thực hành ATTP đúng theo quy định.

- Đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm đã thực hiện việc công bố sản phẩm và duy trì kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ. Việc ghi nhãn sản phẩm đúng theo hồ sơ đã công bố.

2. Tồn tại:

Bên cạnh các cơ sở chấp hành đúng các quy định về ATTP thì vẫn còn một số cơ sở chưa thực hiện đúng các quy định về ATTP. Trong đó, có 24 cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP với số tiền phạt là 76.770.000 đồng; có 37 cơ sở vi phạm nhưng không bị xử lý, chỉ nhắc nhở. Các cơ sở này chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ thuộc tuyến xã/phường/thị trấn quản lý, không có đăng ký kinh doanh, không có địa điểm kinh doanh ổn định, mức nhu nhập thấp, sản xuất, kinh doanh theo mùa vụ.

Một số hành vi vi phạm bị xử lý với hình thức phạt tiền:

- Điều kiện vệ sinh cơ sở : 06 cơ sở.
- Điều kiện trang thiết bị dụng cụ : 03 cơ sở.
- Điều kiện về con người : 08 cơ sở.
- Vi phạm khác : 07 cơ sở.

3. Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

Các đoàn thanh tra, kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra nhanh một số chỉ tiêu hóa lý các sản phẩm tại cơ sở với kết quả thực hiện 148 test nhanh và cho kết quả âm tính. Các chỉ tiêu test nhanh chủ yếu là hàn the, phẩm màu, foocmon.

IV. Đề xuất kiến nghị

- Đề nghị Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tuyến huyện:

+ Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về ATTP; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức ATTP trên các kênh thông tin đại chúng và các hội, đoàn thể.

+ Chỉ đạo các cơ quan liên quan cấp huyện triển khai công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và ký cam kết bảo đảm ATTP theo lĩnh vực, theo phân cấp quản lý.

+ Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các cuộc kiểm tra chuyên ngành về ATTP trên địa bàn.

- Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương: tiếp tục tổ chức đợt kiểm tra chuyên ngành về ATTP trong năm 2021 nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trên đây là kết quả thanh tra, kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP kính báo cáo Quý cấp lãnh đạo biết và có ý kiến chỉ đạo để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Y tế;
- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Ông Lâm Hải Giang,
PCT UBND tỉnh; Trưởng BCD;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh (để biết);
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, CT, KH&CN;
- Công an tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh (để biết);
- BCD các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Chi cục ATVSTP;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, NVY, Ttra.

(Báo
cáo)

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Văn Trung**

Phụ lục 1. Kết quả thanh tra, kiểm tra, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở

Bảng 1. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Hoạt động	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh				Tổng cộng			
	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng
Số cơ sở được thanh, kiểm tra	13	79	484	576	70	309	715	1094	25	29	20	74	108	417	1219	1744
Số cơ sở đạt	09	78	462	549	61	307	698	1066	23	28	17	68	93	413	1177	1683
Tỷ lệ đạt (%)	69,2	98,7	95,5	95,3	87,1	99,4	97,6	97,4	92,0	96,6	85,0	96,2	86,1	99,0	96,6	96,5

Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được thanh, kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được thanh, kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được thanh, kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được thanh, kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra	576		1094		74		1.562	
2	Số cơ sở có vi phạm	27	4,7	28	2,6	6	8,1	61	3,9
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	27	0	18	1,6	6	8,1	24	1,5
Trong đó:									
3.1. Hình thức phạt chính:									
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số cơ sở bị phạt tiền	0	0	18	1,6	6	8,1	24	1,5
	Tổng số tiền phạt		0	50.770.000 đồng		26.000.000 đồng		76.770.000 đồng	
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả									
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở khắc phục về nhãn	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại tài liệu quảng cáo có bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Các xử lý khác	0	0	0	0	0	0	0	0
.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Số cs có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	27	4,7	10	1,0	0	0	37	2,4

Phụ lục 2. Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu

Bảng 1. Các nội dung vi phạm chủ yếu bị xử lý bằng hình thức phạt tiền

T T	Nội dung vi phạm	Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	576	0	0	1094	05	0,5	74	01	1,4	1744	06	0,3
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ	576	0	0	1094	02	0,2	74	01	1,4	1744	03	0,2
3	Điều kiện con người	576	0	0	1094	06	0,6	74	02	2,7	1744	08	0,8
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm	576	0	0	1094	0	0	74	0	0,0	650	0	0,0
5	Ghi nhãn thực phẩm	576	0	0	1094	0	0	74	0	0,0	650	0	0,0
6	Quảng cáo thực phẩm	576	0	0	1094	0	0	74	0	0,0	650	0	0,0
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	576	0	0	1094	0	0	74	0	0,0	650	0	0,0
8	Vi phạm khác	576	0	0	1094	05	0,5	74	02	2,7	650	07	1,1

Bảng 2. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (Tuyến huyện và tỉnh):

TT	Loại xét nghiệm	Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Kết quả xét nghiệm mẫu								
		Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I	Xét nghiệm tại labo									
1	Kết quả xét nghiệm hóa lý	0	0	0,0	0	0	0,0	0	0	0,0
2	Kết quả xét nghiệm vi sinh	0	0	0,0	0	0	0,0	0	0	0,0
	Tổng xét nghiệm tại labo	0	0	0,0	0	0	0,0	0	0	0,0
II	Xét nghiệm nhanh	139	0	0,0	9	0	0,0	148	0	0,0
	Cộng	139	0	0,0	9	0	0,0	148	0	0,0